

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2024
(Công ty mẹ)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		396,881,779,919	340,058,873,826
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	53,677,280,214	228,171,368,733
1. Tiền	111		23,677,280,214	32,212,496,467
2. Các khoản tương đương tiền	112		30,000,000,000	195,958,872,266
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		225,000,000,000	85,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	225,000,000,000	85,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116,044,958,445	20,562,537,608
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	97,309,585,289	4,317,087,329
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,632,733,288	555,411,817
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	18,250,381,807	16,469,315,339
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4,147,741,939)	(779,276,877)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		898,672,000	5,185,890,519
1. Hàng tồn kho	141	V.7	898,672,000	5,185,890,519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,260,869,260	1,139,076,966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	697,889,203	154,171,775
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		369,490,903	726,585,607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	193,489,154	258,319,584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		266,960,454,458	272,808,627,195
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		161,040,819,059	171,050,233,042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	85,265,238,009	94,482,327,950
Nguyên giá	222		520,238,060,984	519,965,847,860
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(434,972,822,975)	(425,483,519,910)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	75,775,581,050	76,567,905,092
Nguyên giá	228		101,542,004,441	101,542,004,441
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25,766,423,391)	(24,974,099,349)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	4,003,955,613	3,911,703,759
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4,003,955,613	3,911,703,759
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	97,846,690,394	97,846,690,394
1. Đầu tư vào công ty con	251		19,000,000,000	19,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		78,225,400,000	78,225,400,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,258,600,000	2,258,600,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1,637,309,606)	(1,637,309,606)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4,068,989,392	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4,068,989,392	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		663,842,234,377	612,867,501,021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		119,320,621,750	21,974,572,822
I. Nợ ngắn hạn	310		119,320,621,750	21,974,572,822
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1,555,714,517	2,734,181,227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	11,963,655,427	6,603,055,891
4. Phải trả người lao động	314		2,605,161,627	3,043,464,788
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3,205,424,822	301,937,267
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	99,721,214,905	6,637,483,197
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	269,450,452	2,654,450,452
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tiếp theo (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		544,521,612,627	590,892,928,199
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	544,521,612,627	590,892,928,199
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		101,852,596,289	101,852,596,289
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42,545,568,338	88,916,883,910
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		167,501,747	88,916,883,910
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42,378,066,591	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		663,842,234,377	612,867,501,021

TP. Thủ Đức, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Quý 2/2024	Quý 2/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	46,738,793,806	46,993,918,879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	46,738,793,806	46,993,918,879
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.2	12,990,348,868	13,639,210,929
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	33,748,444,938	33,354,707,950
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	2,653,054,682	2,697,771,425
7. Chi phí tài chính	22 VI.4	-	1,554,144,922
Trong đó: chi phí lãi vay	23	-	-
8. Chi phí bán hàng	25 VI.5	248,132,000	53,731,360
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 VI.6	10,719,686,209	5,498,925,214
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	25,433,681,411	28,945,677,879
11. Thu nhập khác	31	-	294,066,047
12. Chi phí khác	32 VI.7	1,518,542,400	665,821
13. Lợi nhuận khác	40	(1,518,542,400)	293,400,226
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23,915,139,011	29,239,078,105
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 V.13	5,791,224,845	5,893,105,627

CHỈ TIÊU

Mã Thuyết số	Thuyết minh	Quý 2/2024	Quý 2/2023	Lũy kế 6T/2024	Lũy kế 6T/2023
52					
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	18,123,914,166		42,378,066,591	48,091,057,651
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23,345,972,478		
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

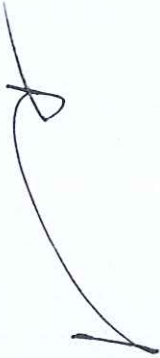
TP. Thủ Đức, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Viết Trường

Giám đốc



Lê Chí Đăng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **40**/CV-CLL
V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế quý 2/2024 so với cùng kỳ
năm trước

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Trước tiên Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái chân thành cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ Điểm a) khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính quy định:

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Công ty cổ phần cảng Cát Lái tiến hành công bố thông tin với nội dung Báo cáo tài chính quý 2/2024 có kết quả như sau:

Đvt: Đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2/2024	Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2/2023	So sánh quý 2/2024 với quý 2/2023	
		Tăng/giảm	%
18.123.914.166	23.345.972.478	(5.222.058.312)	(22,37%)

Nguyên nhân chủ yếu do trong quý 2/2024, Công ty trích lập dự phòng khoản phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng là 3,37 tỷ đồng.

Trên đây là phân giải trình về kết quả lợi nhuận sau thuế của quý 2/2024 so với cùng kỳ năm trước, kính chuyên Quý cơ quan xem xét. *lưu*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC-KHKD; H04

GIÁM ĐỐC *lưu*



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		54,341,722,018	60,251,134,571
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	10,281,627,107	12,075,198,190
- Các khoản dự phòng	03	V.2	3,368,465,062	1,554,144,922
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4,566,821,491)	(4,929,459,658)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63,424,992,696	68,951,018,025
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(96,679,710,622)	(58,399,780,881)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4,287,218,519	184,132,000
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5,898,041,274	2,338,671,475
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4,612,706,820)	(4,222,580,344)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(4,858,754,853)	(4,334,771,892)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(2,734,382,163)	(2,490,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35,275,301,969)	2,026,188,383
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(941,336,222)	(613,059,098)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(225,000,000,000)	(87,230,247,957)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		85,000,000,000	89,409,653,155
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,394,442,592	4,602,962,286
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(137,546,893,630)	6,169,308,386

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,671,892,920)	(295,953,400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(1,671,892,920)</i>	<i>(295,953,400)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(174,494,088,519)	7,899,543,369
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	228,171,368,733	221,034,411,588
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>53,677,280,214</u>	<u>228,933,954,957</u>

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

TP. Thủ Đức, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 40 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 39 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập

Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm phương tiện và chi phí thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm phương tiện

Chi phí bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Chi phí thuê đất

Tiền thuê đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn(*)	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

(*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	230.803.236	27.357.388
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.446.476.978	32.185.139.079
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	30.000.000.000	195.958.872.266
Ngân hàng TMCP Nam Á	-	180.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.000.000.000	15.958.872.266
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	20.000.000.000	-
Cộng	53.677.280.214	228.171.368.733

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số dư cuối kỳ là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc, lãi suất từ 3,2% đến 5,1%/năm.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con - CTCP Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái ⁽ⁱ⁾	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết - CTCP Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱⁱ⁾	78.225.400.000	-	78.225.400.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác - CTCP Cao su thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.258.600.000	(1.637.309.606)	2.258.600.000	(1.637.309.606)
Cộng	99.484.000.000	(1.637.309.606)	99.484.000.000	(1.637.309.606)

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 1.900.000 cổ phần, tương đương 54,29% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 2.523.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND, giá trị ghi sổ là 78.225.400.000 VND, tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, không thay đổi so với số đầu năm.

(iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,72% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>		<u>Kỳ trước</u>	
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái</i>				
Sử dụng dịch vụ	3.982.829.464		8.553.325.188	
Doanh thu dịch vụ tư vấn đã cung cấp	60.000.000		60.000.000	
Lãi bán hàng trả chậm	4.961.273		264.489.409	
3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>96.172.116.979</u>		<u>3.179.619.019</u>	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	96.109.716.979		975.932.428	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	62.400.000		2.203.686.591	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>1.137.468.310</u>		<u>1.137.468.310</u>	
Cộng	<u><u>97.309.585.289</u></u>		<u><u>4.317.087.329</u></u>	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<u>1.788.741.817</u>		<u>555.411.817</u>	
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	1.788.741.817		555.411.817	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<u>2.843.991.471</u>		<u>-</u>	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	964.672.000		-	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Công nghệ Bắc Âu	902.000.000		-	
Các nhà cung cấp khác	977.319.471		-	
Cộng	<u><u>4.632.733.288</u></u>		<u><u>555.411.817</u></u>	
5. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>7.611.744.898</u>	<u>-</u>	<u>7.606.783.625</u>	<u>-</u>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái - Tiền lãi trả chậm ⁽ⁱ⁾	7.611.744.898	-	7.606.783.625	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>10.638.636.909</u>	<u>(3.386.023.629)</u>	<u>8.862.531.714</u>	<u>(17.558.567)</u>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.222.821.922	-	2.050.443.023	-
Tạm ứng	615.000.000	-	57.600.000	-
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng ⁽ⁱⁱ⁾	6.736.930.124	(3.368.465.062)	6.736.930.124	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	63.884.863	(17.558.567)	17.558.567	(17.558.567)
Cộng	<u><u>18.250.381.807</u></u>	<u><u>(3.386.023.629)</u></u>	<u><u>16.469.315.339</u></u>	<u><u>(17.558.567)</u></u>

(i) Khoản lãi phải thu Công ty con theo các hợp đồng bán tài sản ngày 31/12/2017, thanh toán theo phương thức trả chậm, với lãi suất trả chậm là 5% tính trên số dư nợ giảm dần.

(ii) Phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng theo các quyết định của Tòa án liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và hợp đồng gửi giữ hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái, theo đó Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng số tiền 6.736.930.124 VND (bao gồm tiền thuê và tiền lãi). Do Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Bản án và các quyết định thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh đã ban hành Quyết định số 67/QĐ-CCTHADS ngày 8/5/2023 về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với Ông Nguyễn Hoàng Hải – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị	Trên 3 năm	536.549.860	(536.549.860)	Trên 3 năm	536.549.860	(536.549.860)
Công ty Cổ phần Gỗ Hải Quảng	Trên 3 năm	49.186.500	(49.186.500)	Trên 3 năm	49.186.500	(49.186.500)
Công ty TNHH Vận tải XNK Trung Thành	Trên 3 năm	44.999.550	(44.999.550)	Trên 3 năm	44.999.550	(44.999.550)
CBF Coffee	Trên 3 năm	130.982.400	(130.982.400)	Trên 3 năm	130.982.400	(130.982.400)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp Việt Hàn Mỹ	Trên 3 năm	17.558.567	(17.558.567)	Trên 3 năm	17.558.567	(17.558.567)
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng	Từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	6.736.930.124	(3.368.465.062)			
Cộng		7.516.207.001	(4.147.741.939)		779.276.877	(779.276.877)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	779.276.877	779.276.877
Trích lập dự phòng trong kỳ	3.368.465.062	-
Số cuối kỳ	<u>4.147.741.939</u>	<u>779.276.877</u>

7. Hàng tồn kho

Là công cụ, dụng cụ tồn kho.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm phương tiện	267.356.563	154.171.775
Chi phí thuê đất	430.532.640	-
Cộng	697.889.203	154.171.775

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	4.068.989.392	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	195.087.317.394	319.297.844.524	2.465.272.727	1.799.872.937	1.315.540.278	519.965.847.860
Số đầu năm	-	172.279.124	-	99.934.000	-	272.213.124
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	195.087.317.394	319.470.123.648	2.465.272.727	1.899.806.937	1.315.540.278	520.238.060.984
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.255.215.546	250.197.921.426	-	55.400.545	347.571.500	298.856.109.017
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	118.051.768.260	305.281.753.954	888.242.920	755.195.068	506.559.708	425.483.519.910
Khấu hao trong kỳ	3.450.852.270	5.427.449.480	205.439.394	236.708.689	168.853.232	9.489.303.065
Số cuối kỳ	121.502.620.530	310.709.203.434	1.093.682.314	991.903.757	675.412.940	434.972.822.975
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	77.035.549.134	14.016.090.570	1.577.029.807	1.044.677.869	808.980.570	94.482.327.950
Số cuối kỳ	73.584.696.864	8.760.920.214	1.371.590.413	907.903.180	640.127.338	85.265.238.009
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.262.004.441	280.000.000	101.542.004.441
Số cuối kỳ	101.262.004.441	280.000.000	101.542.004.441
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	280.000.000	280.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	24.694.099.349	280.000.000	24.974.099.349
Khấu hao trong kỳ	792.324.042	-	792.324.042
Số cuối kỳ	25.486.423.391	280.000.000	25.766.423.391
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	76.567.905.092	-	76.567.905.092
Số cuối kỳ	75.775.581.050	-	75.775.581.050
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	553.543.848	-	-	553.543.848
<i>Dự án cải tạo cầu cảng số 7- tiếp nhận tàu có trọng tải đến 40.000 DWT</i>	330.010.148	-	-	330.010.148
<i>Dự án cải tạo cầu cảng 2.200 DWT- tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000 DWT</i>	223.533.700	-	-	223.533.700
<i>Chi phí sửa chữa tài sản cố định</i>	3.358.159.911	92.251.854	-	3.450.411.765
Số cuối kỳ	3.911.703.759	92.251.854	-	4.003.955.613

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	253.976.330	828.822.821
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	245.351.214	629.039.320
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.740.916	10.470.301
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	2.884.200	-
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	-	189.313.200
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	1.301.738.187	1.905.358.406
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hồng Lĩnh	900.364.609	1.049.376.088
Các nhà cung cấp khác	401.373.578	855.982.318
Cộng	1.555.714.517	2.734.181.227

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	2.664.513.604	(2.664.513.604)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.858.754.853	-	11.963.655.427	(4.858.754.853)	11.963.655.427	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.744.301.038	-	351.686.412	(2.289.476.604)	-	193.489.154
Thuế nhà đất	-	-	15.499.175	(15.499.175)	-	-
Tiền thuê đất	-	258.319.584	861.065.280	(602.745.696)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	6.603.055.891	258.319.584	15.859.419.898	(10.433.989.932)	11.963.655.427	193.489.154

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	8%, 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.341.722.018	60.251.134.571
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.476.555.116	469.030.629
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.476.555.116	468.230.629
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát không trực tiếp điều hành</i>	302.700.000	276.800.000
<i>Chi phí dự phòng khoản tiền tranh chấp hợp đồng</i>	286.923.654	-
<i>Chi phí thi hành án</i>	3.368.465.062	-
<i>Chi phí loại trừ</i>	1.518.466.400	192.230.629
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	59.818.277.134	60.720.165.200
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	59.818.277.134	60.720.165.200
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.963.655.427	12.144.033.040
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán thuế 2022</i>	-	16.043.880
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	11.963.655.427	12.160.076.920

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<u>1.991.414.732</u>	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	1.991.414.732	-
- Chi phí thuê cầu		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<u>1.214.010.090</u>	<u>301.937.267</u>
Chi phí tiền điện	266.619.759	301.937.267
Chi phí du lịch	947.390.331	-
Cộng	<u>3.205.424.822</u>	<u>301.937.267</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>54.716.492.000</u>	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	54.533.792.000	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	22.662.042.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	19.496.750.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	12.375.000.000	-
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	182.700.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<u>45.004.722.905</u>	<u>6.637.483.197</u>
Kinh phí công đoàn	55.169.745	27.717.942
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	6.702.205	4.128.720
Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV - Tiên "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh"	1.452.880.000	-
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	4.702.019.340	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	375.750.000	375.750.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	38.412.201.615	6.217.886.535
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	12.000.000
Cộng	<u>99.721.214.905</u>	<u>6.637.483.197</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.966.322.863	-	(1.714.000.000)	252.322.863
Quỹ phúc lợi	683.267.707	-	(671.000.000)	12.267.707
Quỹ thưởng Ban điều hành	4.859.882	349.382.163	(349.382.163)	4.859.882
Cộng	<u>2.654.450.452</u>	<u>349.382.163</u>	<u>(2.734.382.163)</u>	<u>269.450.452</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước					
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	125.613.728.344	627.589.772.633
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	48.091.057.651	48.091.057.651
Chia cổ tức	-	-	-	(125.120.000.000)	(125.120.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(313.409.706)	(313.409.706)
Số dư cuối kỳ này	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	48.271.376.289	550.247.420.578
Kỳ này					
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	88.916.883.910	590.892.928.199
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	42.378.066.591	42.378.066.591
Chia cổ tức	-	-	-	(88.400.000.000)	(88.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(349.382.163)	(349.382.163)
Số dư cuối kỳ này	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	42.545.568.338	544.521.612.627

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Cộng	340.000.000.000	340.000.000.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 19/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 03 tháng 6 năm 2024 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023	
• Quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 349.382.163
• Chia cổ tức	: 88.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ cho thuê cảng biển	75.000.000.000	75.000.000.000
Dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	11.900.241.756	12.526.570.268
Dịch vụ khác	6.705.034.365	6.110.718.657
Cộng	93.605.276.121	93.637.288.925

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Doanh thu cho thuê bãi	75.000.000.000	75.000.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	11.900.241.756	12.526.570.267
Doanh thu dịch vụ khác	6.645.034.365	4.972.021.051

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ cho thuê cảng biển	8.820.154.743	11.253.161.537
Dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	10.441.557.538	10.889.397.473
Dịch vụ khác	6.857.594.139	5.218.122.688
Cộng	26.119.306.420	27.360.681.698

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.566.821.491	4.929.459.658
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	148.265.502	492.601.570
Lãi bán hàng trả chậm	4.961.273	264.489.409
Cộng	4.720.048.266	5.686.550.637

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	1.554.144.922

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.280.000	147.510.000
Các chi phí khác	52.587.160	256.857.857
Cộng	291.867.160	404.367.857

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.443.808.968	4.945.726.416
Chi phí vật liệu quản lý	68.376.190	121.032.077
Chi phí đồ dùng văn phòng	151.868.932	40.708.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	990.414.699	876.504.188
Thuế, phí và lệ phí	18.499.175	18.899.175
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	3.368.465.062	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.907.405.096	640.267.149
Các chi phí khác	3.105.048.267	3.218.972.827
Cộng	16.053.886.389	9.862.110.740

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí ủng hộ	-	184.800.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	665.821
Phải trả về thi hành án Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	1.518.466.400	-
Chi phí khác	76.000	-
Cộng	1.518.542.400	185.465.821

(*) Theo bản án phúc thẩm số 132/2024/KDTM-PT ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái: Công ty phải trả cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số tiền 1.452.880.000 VND (bao gồm tiền phân chia doanh thu 13 tháng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán) và phải chịu án phí số tiền 55.586.400 VND.

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.376.190	121.032.077
Chi phí nhân công	9.171.144.380	7.614.813.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.281.627.107	12.075.198.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.644.735.649	10.266.892.195
Dự phòng phải thu khó đòi	3.368.465.062	-
Chi phí khác	9.930.711.581	7.549.224.647
Cộng	42.465.059.969	37.627.160.295

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản và nợ tiềm tàng

Nợ tiềm tàng

Công ty đang là bị đơn trong vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh” theo đơn khởi kiện của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên. Theo thông báo về việc thụ lý vụ án số 52/TB-TLVA ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, những vấn đề người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng hợp tác số 124/HĐHTKD/2018 ký ngày 29/12/2017 giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên và Công ty.
- Buộc Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kho bãi Hoàng Vinh phải giao trả mặt bằng kho bãi diện tích 7.892m² tại địa chỉ 166 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân theo đúng hiện trạng mặt bằng ban đầu Nông nghiệp Sài Gòn đã bàn giao khi ký hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Buộc Công ty phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính từ 01/07/2019 đến 31/07/2020 là 1.452.880.000 đồng.

Tài sản tiềm tàng

Công ty đang là nguyên đơn trong vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ gửi giữ hộ hàng hóa” với bên bị khởi kiện là Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kho bãi Hoàng Vinh. Theo thông báo về việc thụ lý vụ án số 33/2020/TB-TLVA ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, những vấn đề người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kho bãi Hoàng Vinh di dời ngay lập tức toàn bộ hàng hóa gửi giữ tại kho bãi số 166 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao mặt bằng cho Công ty.
- Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kho bãi Hoàng Vinh phải bồi thường do chưa thực hiện bàn giao mặt bằng cho Công ty số tiền 120.000.000 VND/tháng, tạm tính từ tháng 7/2019 đến 30/6/2020 là 1.440.000.000 VND. Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kho bãi Hoàng Vinh tiếp tục thanh toán thiệt hại phát sinh 120.000.000 VND/tháng cho đến khi thực hiện xong việc giao trả mặt bằng.

Theo bản án phúc thẩm số 132/2024/KDTM-PT ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án đã tuyên xử:

- Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kho bãi Hoàng Vinh phải tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng hóa tài sản vật dụng tại mặt bằng kho bãi số 166 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
- Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kho bãi Hoàng Vinh phải thanh toán cho Công ty số tiền do chậm thực hiện việc bàn giao mặt bằng từ ngày 01/7/2019 đến ngày 29/9/2023 là 6.116.000.000 VND; phải thanh toán cho Công ty 120.000.000 VND/tháng tính từ ngày 30/10/2023 đến khi thực hiện xong việc bàn giao trả mặt bằng cũng như tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/7/2019 đến ngày 29/9/2023 là 1.316.284.931 VND, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.
- Buộc Công ty phải trả cho Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV số tiền 1.452.880.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối đa trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	150.000.000.000	150.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	675.000.000.000	750.000.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	825.000.000.000	900.000.000.000

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong kỳ là 75.000.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 75.000.000.000 VND).

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Hội đồng quản trị					
Nguyễn Thành Sơn	Chủ tịch (bổ nhiệm từ 03/06/2024)	38.500.000	11.000.000	-	49.500.000
Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch (miễn nhiệm từ 03/06/2024)	-	-	50.700.000	50.700.000
Tạ Cao Thái	Phó Chủ tịch	-	27.434.416	60.000.000	87.434.416
Lê Chí Đăng	Thành viên/Giám đốc	216.792.763	371.296.391	36.000.000	624.089.154
Phạm Hiếu Đạo	Thành viên/ Phó Giám đốc	175.254.533	288.096.391	36.000.000	499.350.924
Nguyễn Huỳnh Mai	Thành viên	-	43.916.752	36.000.000	79.916.752
Nguyễn Châu Bảo	Thành viên	-	-	36.000.000	36.000.000
Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	-	-	36.000.000	36.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ban Kiểm soát					
Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban kiểm soát	-	43.916.752	30.000.000	73.916.752
Lê Hải Nam	Kiểm soát viên	-	-	27.000.000	27.000.000
Lê Thị Đoan Trang	Kiểm soát viên	-	-	27.000.000	27.000.000
Ban Giám đốc					
Hoàng Minh Thảo	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm từ 03/6/2024)	31.422.600	44.000.000	-	75.422.600
Nguyễn Việt Trường	Kế toán trưởng	153.460.030	252.657.475	-	406.117.505
Cộng		615.429.926	1.082.318.177	374.700.000	2.072.448.103

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước					
Hội đồng quản trị					
Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch	-	-	60.000.000	60.000.000
Lê Thành Khoa	Phó Chủ tịch	-	-	58.666.667	58.666.667
Tạ Cao Thái	Phó Chủ tịch	-	-	1.333.333	1.333.333
Lê Chí Đăng	Thành viên/Giám đốc	205.755.050	322.500.000	36.000.000	564.255.050
Phạm Hiếu Đạo	Thành viên/ Phó Giám đốc	163.910.981	239.300.000	36.000.000	439.210.981
Nguyễn Huỳnh Mai	Thành viên	-	-	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Châu Bảo	Thành viên	-	-	36.000.000	36.000.000
Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	-	-	800.000	800.000
Ban Kiểm soát					
Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban kiểm soát	-	-	30.000.000	30.000.000
Lê Hải Nam	Kiểm soát viên	-	-	27.000.000	27.000.000
Lê Thị Đoan Trang	Kiểm soát viên	-	-	600.000	600.000
Tạ Cao Thái	Kiểm soát viên	-	-	26.400.000	26.400.000
Ban Giám đốc					
Nguyễn Việt Trường	Kế toán trưởng	139.827.380	218.500.000	-	358.327.380
Cộng		509.493.411	780.300.000	348.800.000	1.638.593.411

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân cảng Gantry	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Chia cổ tức	22.662.042.000	32.075.505.600
Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ	39.713.995	38.277.095
<i>Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong</i>		
Chia cổ tức	19.496.750.000	27.595.400.000
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i>		
Chia cổ tức	12.375.000.000	4.554.000.000
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan như sau:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Tân Cảng	754.125.274	1.178.035.392
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	14.625.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân cảng	66.410.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

4. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển
- Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ
- Các lĩnh vực khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	75.000.000.000	11.900.241.756	6.705.034.365	93.605.276.121
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.000.000.000	11.900.241.756	6.705.034.365	93.605.276.121
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	66.179.845.257	1.458.684.218	(152.559.774)	67.485.969.701
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(16.345.753.549)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				51.140.216.152
Doanh thu hoạt động tài chính				4.720.048.266
Chi phí tài chính				-
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				(1.518.542.400)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(11.963.655.427)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				42.378.066.591
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	92.251.854		272.213.124	364.464.978
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.969.398.125	3.479.162.636	212.559.774	9.661.120.535

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	75.000.000.000	12.526.570.267	6.110.718.658	93.637.288.925
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.000.000.000	12.526.570.267	6.110.718.658	93.637.288.925
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	63.746.838.463	1.637.172.794	892.595.970	66.276.607.227
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.266.478.597)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				56.010.128.630
Doanh thu hoạt động tài chính				5.686.550.637
Chi phí tài chính				(1.554.144.922)
Thu nhập khác				294.066.047
Chi phí khác				(185.465.821)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(12.159.916.920)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				48.091.217.651
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			161.062.698	161.062.698
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.511.649.918	3.477.026.400	210.017.684	11.198.694.002

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	238.193.972.289	21.641.327.327	3.910.703.995	263.746.003.611
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	400.096.230.766
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>663.842.234.377</u>
Tổng tài sản				1.555.714.517
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	900.364.609	245.351.214	409.998.694	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	117.764.907.233
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>119.320.621.750</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	193.837.924.448	24.623.998.051	18.298.396.939	236.760.319.438
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	467.301.946.157
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>704.062.265.595</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	160.414.723	72.032.800	2.535.890.624	2.768.338.147
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	151.046.346.870
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>153.814.685.017</u>
Tổng nợ phải trả				

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4b. Thông tin về khu vực địa lý

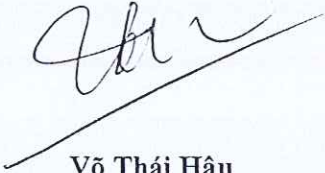
Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực nội địa.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Trường

Giám đốc



Lê Chí Đăng